

**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP
CHO SINH VIÊN NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
THÔNG QUA THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP**

Lê Thị Ngọc Mai* và Trần Thanh Thuý

Phòng Đào tạo, Trường Đại học Đồng Tháp

**Tác giả liên hệ: ltnmai@dthu.edu.vn*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 13/3/2020; Ngày nhận chỉnh sửa: 23/6/2020; Ngày duyệt đăng: 29/8/2020

Tóm tắt

Định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nuôi trồng thủy sản Trường Đại học Đồng Tháp là một mục tiêu quan trọng trong quá trình đào tạo. Phát triển năng lực nghề nghiệp là nhấn mạnh đến những kiến thức chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp và thái độ đối với công việc cần được đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thành một công việc của nghề nghiệp đạt hiệu quả cao. Với nội hàm phát triển năng lực nghề nghiệp này, bài viết tường minh hoá một số vấn đề về phát triển năng lực nghề nghiệp và theo đó đề xuất những định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV ngành Nuôi trồng thủy sản Trường Đại học Đồng Tháp thông qua thực tập nghề nghiệp.

Từ khóa: *Năng lực, năng lực nghề nghiệp, nuôi trồng thủy sản, thực tập nghề nghiệp.*

**ORIENTATIONS FOR DEVELOPING PROFESSIONAL
COMPETENCE FOR AQUACULTURE INDUSTRY STUDENTS OF
DONG THAP UNIVERSITY THROUGH PROFESSIONAL PRACTICE**

Le Thi Ngoc Mai* and Tran Thanh Thuy

Office of Graduate Affairs, Dong Thap University

**Corresponding author: ltnmai@dthu.edu.vn*

Article history

Received: 13/3/2020; Received in revised form: 23/6/2020; Accepted: 29/8/2020

Abstract

The orientation of developing professional competence for Aquaculture students of Dong Thap University is an important goal of the training program. It aims at specialized knowledge, occupational skills and attitudes towards jobs that students need to be trained and fostered in order to complete job requirements effectively. With that goal in mind, the article clarifies a number of issues on professional competence development and accordingly proposes orientations to develop this competence for Aquaculture students of Dong Thap University through professional internships.

Keywords: *Aquaculture, job practice, professional competence, student.*

1. Đặt vấn đề

Giáo dục và đào tạo được xem là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của xã hội. Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2011-2020 đã ghi rõ: “Nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế tri thức nhanh và bền vững”. Do vậy cần “Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe và thẩm mỹ, phát triển được năng lực của cá nhân, đào tạo những người lao động có kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, trong đó “đặc biệt chú trọng nhân lực khoa học - công nghệ trình độ cao, cán bộ quản lý, kinh doanh giỏi và công nhân kỹ thuật lành nghề trực tiếp góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế”. Trường Đại học Đồng Tháp xác định mục tiêu “Đào tạo người học trở thành người có năng lực sáng tạo, tư duy độc lập, trách nhiệm công dân, đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp, năng lực ngoại ngữ, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp, năng lực tự tạo việc làm và khả năng thích ứng với những biến động của thị trường lao động”.

Sinh viên (SV) Việt Nam nói chung và SV Trường Đại học Đồng Tháp nói riêng là nguồn lực to lớn thực hiện trọng trách xây dựng, phát triển đất nước ngang tầm với các quốc gia trong khu vực và thế giới. Từ đây đòi hỏi các cơ sở đào tạo thực hiện sứ mệnh nhanh chóng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ với chất lượng cao phục vụ quốc kế dân sinh. Tuy nhiên, thực tế cho thấy một bộ phận SV tốt nghiệp khi tiếp cận công việc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh đã bộc lộ yếu kém năng lực thực hiện, điều này được các nhà quản trị đại học và các doanh nghiệp quan tâm tìm giải pháp, biện pháp khắc phục.

Đời sống hiện thực chỉ ra, năng lực được hình thành khi con người áp dụng kiến thức vào thực tiễn và năng lực có được do quá trình lặp đi lặp lại của một hoặc một nhóm hành động nhất định; tương tự, năng lực thực hiện là khả năng tổ

chức được các hoạt động của một nghề theo tiêu chuẩn đặt ra, năng lực thực hiện có được thông qua quá trình đào tạo, bồi dưỡng, tự bồi dưỡng và rèn luyện trong môi trường thực tế (cơ sở thực tập, nhà máy, xí nghiệp...); do đó trước bối cảnh thời đại, phát triển năng lực nghề nghiệp (NLNN) là nhu cầu tất yếu, phản ánh ý thức của người lao động và tiêu chí đánh giá “sức khỏe” của một nhà máy, xí nghiệp và rộng hơn là nền kinh tế quốc gia.

Với ý thức trách nhiệm đối với nhà trường và SV ngành Nuôi trồng thủy sản, Trường Đại học Đồng Tháp, bài viết trình bày một số vấn đề về phát triển NLNN và theo đó đề xuất những định hướng phát triển NLNN cho SV ngành Nuôi trồng thủy sản, Trường Đại học Đồng Tháp thông qua thực tập nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Các khái niệm

2.1.1. Năng lực

Có nhiều khái niệm khác nhau về năng lực. “Năng lực” là một trong những thành tố quan trọng trong cấu trúc nhân cách. Có tác giả cho rằng: “Người có năng lực là người đạt hiệu suất và chất lượng hoạt động cao trong các hoàn cảnh khác nhau”. Theo tác giả Phạm Minh Hạc (1996), năng lực nói lên “người đó có thể làm gì, làm đến mức nào, làm với chất lượng ra sao; thông thường người ta còn gọi là khả năng hay “tài””. Tác giả Phạm Thị Minh Hạnh (2007) cho rằng, năng lực là tập hợp các tính chất hay phẩm chất cá nhân, đóng vai trò là điều kiện bên trong, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tốt một dạng hoạt động nhất định.

Dưới góc độ giáo dục học, năng lực là kết quả của quá trình giáo dục, rèn luyện của cá nhân, thể hiện ở kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp để cá nhân có thể tham gia hiệu quả vào một lĩnh vực hoạt động nhất định. Như vậy, ở góc độ này, người có năng lực ở lĩnh vực nào thì nhất định phải có tri thức, kỹ năng, kỹ xảo trong lĩnh vực ấy, có thái độ tích cực để vận dụng tri thức kỹ năng hiệu quả vào các hoạt động. Tuy nhiên có tri thức, kỹ năng chưa thể khẳng định cá nhân có năng lực

hay không, bởi tri thức kỹ năng ấy chưa chắc đã được hiện thực hóa trong hoạt động. Vậy năng lực dưới góc độ giáo dục học được thể hiện ở kết quả hoạt động của cá nhân, khả năng vận dụng tri thức, kỹ năng để tham gia có hiệu quả trong một lĩnh vực hoạt động nhất định. Năng lực có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn bởi “sự phát triển năng lực của mọi thành viên trong xã hội sẽ đảm bảo cho mọi người tự do lựa chọn một nghề nghiệp phù hợp với khả năng cá nhân, làm cho hoạt động của cá nhân có kết quả hơn,... và cảm thấy hạnh phúc khi lao động”.

Hiện nay, việc phát triển năng lực thông qua dạy học được hiểu đồng nghĩa với phát triển năng lực hành động. Năng lực hành động bao gồm (Đình Công Thuýn và cs, 2008):

Năng lực chuyên môn: Là khả năng thực hiện các nhiệm vụ về chuyên môn cũng như đánh giá kết quả một cách độc lập, có phương pháp và đảm bảo chính xác về mặt chuyên môn (bao gồm cả khả năng tư duy logic, phân tích, tổng hợp và trừu tượng; khả năng nhận biết các mối quan hệ thống nhất trong quá trình).

Năng lực phương pháp: Là khả năng đối với những hành động có kế hoạch, định hướng mục đích trong công việc giải quyết các nhiệm vụ và vấn đề đặt ra. Trọng tâm của năng lực phương pháp là các phương pháp nhận thức, xử lý, đánh giá, truyền thụ và giới thiệu.

Năng lực xã hội: Là khả năng đạt được mục đích trong những tình huống xã hội cũng như trong những nhiệm vụ khác nhau cùng sự phối hợp chặt chẽ với các thành viên khác trong lao động. Trọng tâm của năng lực xã hội là ý thức được trách nhiệm của bản thân cũng như của những người khác, tự chịu trách nhiệm, tự tổ chức; có khả năng thực hiện các hành động xã hội, khả năng cộng tác và giải quyết xung đột.

Năng lực cá thể: Là khả năng suy nghĩ và đánh giá được những cơ hội phát triển cũng như những giới hạn của mình; phát triển được năng khiếu cá nhân cũng như xây dựng và thực hiện kế hoạch cho cuộc sống riêng; những quan điểm, chuẩn giá trị đạo đức và động cơ chi phối các

hành vi ứng xử. Các thành phần năng lực “gặp nhau” tạo thành năng lực hành động.

Từ các nội dung đã nêu trên, có thể coi “năng lực” là tổng thể những phẩm chất tâm lý, sinh lý, tri thức, kỹ năng, thái độ và kinh nghiệm của mỗi cá nhân có khả năng hoàn thành một hoạt động với chất lượng cao.

2.1.2. Năng lực nghề nghiệp

NLNN là sự tương ứng giữa những đặc điểm tâm lý và sinh lý của con người với những yêu cầu do nghề nghiệp đặt ra. Không có sự tương ứng này thì con người không thể theo đuổi nghề được. NLNN vốn không có sẵn trong con người, không phải là những phẩm chất bẩm sinh. Nó hình thành và phát triển qua hoạt động học tập và lao động. Trong quá trình làm việc, năng lực này tiếp tục được phát triển hoàn thiện. Học hỏi và lao động không mệt mỏi là con đường phát triển NLNN của mỗi con người trong lao động sản xuất.

2.1.3. Phát triển NLNN

Hoạt động phát triển NLNN: Hoạt động phát triển NLNN có nghĩa là tăng cường kỹ năng và kiến thức cho người học nhằm phát triển phẩm chất cá nhân và năng lực làm việc của họ. Phát triển NLNN được thực hiện thông qua nhiều loại hình học tập khác nhau, từ việc tham gia các chương trình đào tạo được cấp bằng đến các hoạt động học thuật tham dự hội thảo, hội nghị hay các khóa tập huấn (Villegas Reimers, 2003). Nhiều phương pháp đã được sử dụng để phát triển NLNN, ví dụ như tư vấn, hướng dẫn trực tiếp hay phân tích hành động. Trong lĩnh vực giáo dục, việc nghiên cứu bài giảng, hợp tác trong soạn bài, dự giờ, đánh giá hiệu quả bài giảng là những phương pháp phổ biến được sử dụng để phát triển NLNN trong những thập kỷ vừa qua. Nhiều nhà quản lý giáo dục và nghiên cứu hiệu quả các phương pháp phát triển NLNN cho rằng: NLNN là năng lực chuyên môn, khả năng phát triển kiến thức, kỹ năng, giá trị, thái độ nghề nghiệp và các đặc điểm cá nhân khác, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và yêu cầu đổi mới của thực tiễn giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Lý do phát triển NLNN: Phát triển NLNN trước tiên là đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học. Nhu cầu phát triển nghề nghiệp xuất phát từ ý thức đạo đức nghề nghiệp, nguyện vọng duy trì và phát triển khả năng chuyên môn, tăng cường chất lượng công việc để theo kịp sự phát triển của thời đại và đáp ứng được những chuẩn nghề nghiệp trong công việc của cá nhân trong tương lai. Trong suốt nửa cuối thế kỷ XX, thế giới đã chứng kiến những sự thay đổi lớn lao trong đời sống của con người, đặc biệt là cuộc cách mạng trong lĩnh vực công nghệ thông tin và những hiểu biết rất mới về quá trình học tập của con người, về một xã hội tri thức. Phát triển NLNN cho SV là một trong những yếu tố quan trọng quyết định cơ hội việc làm cũng như sự phát triển của cá nhân sau này. Việc nâng cao NLNN của SV nhằm đáp ứng yêu cầu công việc đang được nhiều doanh nghiệp quan tâm. Do đó, ngày càng nhiều doanh nghiệp chú trọng vào đào tạo và phát triển NLNN của SV trong giai đoạn hiện nay (Quốc hội, 2014).

NLNN ngành Nuôi trồng thủy sản: Với cách tiếp cận trên, có thể quan niệm NLNN ngành Nuôi trồng thủy sản phải có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phục vụ; có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản; có khả năng làm việc độc lập tại các cơ sở sản xuất, nghiên cứu phát triển thủy sản; có sức khỏe tốt để đáp ứng yêu cầu của xã hội. NLNN ngành Nuôi trồng thủy sản được cấu thành bởi 3 yếu tố chính: kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành nghề và thái độ đối với nghề nghiệp của mình.

2.1.4. Thực tập nghề nghiệp

Thực tập nghề nghiệp là một hoạt động chiếm vị trí quan trọng trong quá trình đào tạo. Chất lượng thực tập phản ánh chất lượng đào tạo, rèn luyện nghề nghiệp của nhà trường và đồng thời thể hiện ở SV sự vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được giảng viên truyền đạt vào thực tế. Bên cạnh đó, tạo điều kiện cho SV được tiếp xúc với môi trường thực tế, cụ thể như: nâng cao nhận thức vai trò và trách nhiệm đối với ngành nghề

mình đang học; tiếp cận và làm quen với các công việc liên quan đến chuyên môn; tìm hiểu những hoạt động liên quan đến chuyên ngành; biết tổ chức thực hiện công việc cá nhân và theo nhóm.

2.2. Một số vấn đề về phát triển NLNN cho SV ngành Nuôi trồng thủy sản, Trường Đại học Đồng Tháp thông qua thực tập nghề nghiệp

2.2.1. Chuẩn đầu ra của ngành Nuôi trồng thủy sản, Trường Đại học Đồng Tháp

SV hiểu biết chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, về tư tưởng Hồ Chí Minh.

SV áp dụng các kiến thức cơ sở ngành như: ngư loại học; sinh lý cá, sinh thái động thực vật thủy sinh; nội tiết sinh sản cá; chọn giống thủy sản; dinh dưỡng và thức ăn thủy sản; phương pháp thiết kế và bố trí thí nghiệm... vào các hoạt động liên quan đến chuyên ngành; xây dựng và tổ chức thực hiện được các quy trình công nghệ trong nuôi trồng thủy sản; bệnh học thủy sản; chế biến và bảo quản sản phẩm thủy sản; phương pháp khuyến ngư; công trình và thiết bị nuôi thủy sản.

SV vận dụng các kiến thức thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp bước đầu làm quen với các công việc trong tương lai; sử dụng các kiến thức lý thuyết và thực tiễn được trang bị để phân tích, tổng hợp và giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực thủy sản.

2.2.2. Mục tiêu phát triển NLNN cho SV ngành Nuôi trồng thủy sản

Đào tạo kỹ sư Nuôi trồng thủy sản đáp ứng nhu cầu của xã hội trong sự nghiệp phát triển khoa học kỹ thuật về lĩnh vực chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản.

Cung cấp nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng tay nghề thành thạo. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, tôn trọng nghề nghiệp. Có khả năng tiếp tục học tập, tham gia học tập ở các bậc học cao hơn để tích lũy kinh nghiệm trở thành chuyên gia trong lĩnh vực phát triển kinh tế.

2.2.3. Nội dung phát triển NLNN cho SV ngành Nuôi trồng thủy sản

SV được lĩnh hội các kiến thức trong các lĩnh vực bao gồm: Sản xuất giống được các đối tượng thủy sản; nuôi thương phẩm được các đối tượng thủy sản; nuôi và trồng được tảo, rong và cây thủy sinh; nuôi được các loại thức ăn tự nhiên phục vụ nuôi trồng thủy sản; nuôi được một số loài thủy sản giải trí; sản xuất được thức ăn cho động vật thủy sản; phòng và trị bệnh được cho đối tượng thủy sản nuôi; kiểm định được chất lượng các nguyên liệu, thuốc và hóa chất, các sản phẩm thủy sản; kiểm tra, giám sát được quy trình chế biến thủy sản; kinh doanh dịch vụ được về thủy sản; nghiên cứu và chuyển giao được công nghệ về thủy sản; quản lý được nuôi trồng thủy sản; truyền thông về thủy sản.

2.2.4. Các hình thức hoạt động phát triển NLNN cho SV ngành Nuôi trồng thủy sản

Thứ nhất, phát triển phẩm chất và năng lực trong giai đoạn giáo dục cơ bản thông qua hoạt động phát triển cá nhân, lao động, hoạt động xã hội và hoạt động giáo dục hướng nghiệp nhưng tập trung cao hơn vào việc phát triển NLNN;

Thứ hai, tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng và hoạt động hướng nghiệp dưới sự hướng dẫn, tổ chức của nhà giáo dục, qua đó hình thành những phẩm chất như: lòng yêu nước, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, năng lực tự chủ, năng lực giao tiếp...;

Thứ ba, hình thành và phát triển năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp thông qua hoạt động thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp;

Thứ tư, phát triển NLNN cho SV thông qua đổi mới chương trình đào tạo, lựa chọn nội dung, hình thức, không gian và thời gian hoạt động sao cho phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của nhà trường đáp ứng mục tiêu giáo dục. (Đình Công Thuyền và cs, 2008).

2.3. Định hướng phát triển NLNN cho SV ngành Nuôi trồng thủy sản, Trường Đại học Đồng Tháp thông qua thực tập nghề nghiệp

2.3.1. Bồi dưỡng nhận thức cho cán bộ quản lý, giảng viên và SV sự cần thiết phát triển NLNN cho SV ngành Nuôi trồng thủy sản

Biện pháp này nhằm giúp cho nhà giáo dục, SV nhận thức sâu sắc hơn trong quá trình phát triển NLNN, SV phải hình dung được việc phát triển NLNN và các nội dung cần thiết trong quá trình học tập để có thể vận dụng chúng vào việc phát triển NLNN của bản thân sau khi ra trường. Cụ thể: cán bộ quản lý, giảng viên xây dựng và thực hiện chuyên đề lí luận về phát triển NLNN của SV ngành Nuôi trồng thủy sản; hướng dẫn SV quan sát, phân tích và thảo luận để nhận thức rõ cơ sở lí luận trong việc phát triển NLNN; tổ chức thực hiện nghiên cứu các tiểu luận về phát triển NLNN.

Những nội dung nêu trên rất cần thiết vì nó bổ sung cơ sở lí luận cho SV về phát triển NLNN, chuyên đề được thực hiện trong quá trình dạy học bằng cách phát tài liệu cho SV tự học, thảo luận, tự nghiên cứu tài liệu thêm trên mạng internet. Hình thức này giúp cho SV có khả năng tư duy sáng tạo một cách độc lập, học tập hợp tác giữa SV với nhau, giữa SV và giảng viên.

2.3.2. Đổi mới chương trình đào tạo tiếp cận nhu cầu thị trường

Theo Luật Giáo dục nghề nghiệp đã được ban hành và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2015. Luật này cho phép các trường chủ động xây dựng chương trình đào tạo theo hướng phát triển kĩ năng nghề nghiệp cho người học, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội. Với một chương trình đào tạo hợp lý, linh hoạt, luôn có sự điều chỉnh phù hợp với thực tiễn, thể hiện qua nội dung, chương trình đào tạo, các hoạt động hỗ trợ để nâng cao kĩ năng nghề cho SV sẽ là những yếu tố cơ bản giúp SV nhanh chóng thích nghi và đạt hiệu quả tốt trong quá trình học tập và phát triển kĩ năng nghề nghiệp tại nơi thực tập nghề nghiệp và cơ quan công tác khi ra trường. Đồng thời, các doanh nghiệp được tham gia xây dựng chương trình đào tạo; hướng dẫn thực tập, đánh giá kết quả học tập của người học tại cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp; tiếp nhận người học,

nhà giáo đến tham quan, thực hành, thực tập nâng cao kỹ năng nghề thông qua hợp đồng với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2.3.3. *Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập ngành Nuôi trồng thủy sản*

Căn cứ vào nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo bộ môn xây dựng, điều chỉnh, bổ sung những kiến thức, kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp mà doanh nghiệp đang cần. Yêu cầu này bắt buộc nhà giáo dục và SV phải đến khảo sát, gắn bó với doanh nghiệp. Mặt khác, với phương thức đào tạo kết hợp này, các doanh nghiệp có nhiều trách nhiệm hơn trong việc báo cáo thực tiễn trực tiếp khi tham gia hướng dẫn thực tập nghề cho SV. Bên cạnh đó, đội ngũ cố vấn học tập ngành Nuôi trồng thủy sản phải hiểu biết sâu rộng về ngành nghề, thường xuyên cập nhật thông tin và tư vấn cho SV một cách thỏa đáng.

Giáo dục phát triển năng lực người học đòi hỏi giảng viên phải hướng dẫn SV cách học, đưa SV vào thế giới hiện thực thông qua các hoạt động học tập, trải nghiệm thực tế. Vì vậy, việc bồi dưỡng cho giảng viên cần dựa trên phát triển NLNN và nhấn mạnh đến những kiến thức chuyên ngành, NLNN mà người giảng viên cần phải được đào tạo, bồi dưỡng, để có thể thực hiện các hoạt động giáo dục một cách hiệu quả nhất trong môi trường đại học, nâng cao chất lượng dạy và học trong giai đoạn hiện nay.

2.3.4. *Đầu tư nguồn lực (nhân lực, tài lực, vật lực, tin lực) cho Trung tâm Phát triển kỹ năng nghề nghiệp*

Nhà trường cần thiết lập bộ phận chuyên trách liên kết, hợp tác với doanh nghiệp. Có chiến lược liên kết với doanh nghiệp (ký kết thỏa thuận hợp tác về đào tạo và chuyển giao công nghệ) thì Nhà trường mới có thể thâm nhập sâu vào doanh nghiệp để nắm được yêu cầu về nhân lực chất lượng cao, nhu cầu chuyển giao công nghệ. Đây cũng là điều kiện để phát triển NLNN cho SV và quan trọng nhất là quảng bá thương hiệu Nhà trường, nâng cao năng lực và hiệu quả đầu tư tài chính trước xu thế “tự chủ đại học”.

Tạo điều kiện cho mỗi cán bộ, giảng viên tại Trung tâm Phát triển kỹ năng nghề nghiệp phối hợp với khoa đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản tham quan thực tế, học hỏi kinh nghiệm tại các doanh nghiệp. Mục đích của công việc này là để cán bộ, giảng viên nắm bắt được tình hình thực tế, những khó khăn thường gặp để giúp SV có hướng giải quyết sau này. Trong quá trình đi thực tế, giảng viên điều tra, khảo sát ý kiến các doanh nghiệp tuyển dụng về chất lượng và chuẩn đầu ra của SV. Hoạt động này cần được chuẩn bị theo kế hoạch và nên tiến hành thường xuyên, với những hình thức, phương pháp điều tra, khảo sát chính xác và khách quan. Qua đó sẽ có những định hướng phát triển NLNN cho SV Trường Đại học Đồng Tháp ngày càng chất lượng hơn.

Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và nâng cấp trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác giảng dạy của Trường phải phù hợp với chương trình đào tạo, phù hợp với máy móc thiết bị tại các doanh nghiệp sẽ góp phần đào tạo nên đội ngũ lao động có chất lượng, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong xu thế hội nhập hiện nay.

2.3.5. *Tăng cường sự phối hợp thường xuyên giữa cơ sở thực tập nghề nghiệp và nhà trường*

Cần gắn kết chặt chẽ giữa hoạt động đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản Trường Đại học Đồng Tháp với các doanh nghiệp; doanh nghiệp không chỉ là địa điểm thực tập của SV mà còn được coi là một đối tác của Trường Đại học Đồng Tháp với nhiều hình thức khác nhau. Cần phối hợp rõ vai trò, trách nhiệm cả hai bên trong suốt quá trình đào tạo, rèn luyện nghề, đánh giá, sử dụng sản phẩm đầu ra.

SV cần được tiếp cận với các doanh nghiệp ngay từ năm thứ nhất cho đến hết năm thứ tư, qua đó giúp các em có thời gian tìm hiểu các hoạt động của ngành.

Nhà trường phối hợp với các doanh nghiệp xây dựng các chuyên đề, tọa đàm thiết thực hơn nữa cho SV ngành Nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là SV năm thứ tư chuẩn bị đi thực tập tốt nghiệp, từ đó các em có thể nắm bắt kịp thời những kinh

nhệm và những đổi mới trong các hoạt động Nuôi trồng thủy sản.

3. Kết luận

Ở các trường đại học hiện nay, NLNN của SV được hình thành trong quá trình học tập, thực hành, thực tập và các hoạt động ngoại khóa. Đối với SV ngành Nuôi trồng thủy sản, Trường Đại học Đồng Tháp, việc phát triển NLNN cho SV không chỉ kết hợp giữa lí thuyết và thực hành mà cần có sự kết hợp giữa Trường Đại học Đồng Tháp với các doanh nghiệp. Do đó, việc phối hợp giữa Trường Đại học Đồng Tháp và các doanh nghiệp trong quá trình đào tạo để phát triển các NLNN cho SV ngành Nuôi trồng thủy sản là rất cần thiết. Vì vậy, trong các hoạt động thực hành chuyên môn, thực tập nghề nghiệp, ngoại khóa cần có nội dung phù hợp với thực tiễn sẽ đem lại hiệu quả trong công tác đào tạo của Nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học trong giai đoạn hội nhập và phát triển./.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Đồng Tháp, mã số SPD2019.01.29.

Tài liệu tham khảo

Đinh Công Thuyền (chủ biên), Hồ Ngọc Vinh và Phạm Văn Nin. (2008). *Tài liệu hướng dẫn giảng dạy Mô Đun*. Tổng cục Dạy nghề.

Hồ Ngọc Vinh. (2015). “Dạy học định hướng hành động với sự phát triển năng lực của học sinh trong giáo dục nghề”. *Tạp chí Dạy nghề*, số 21, tháng 6 năm 2015, 9-13.

Nguyễn Thành Long. (2017). *Phát triển kỹ năng thích ứng nghề thông qua thực tập nghề nghiệp cho SV cao đẳng kỹ thuật*. Luận án

tiên sĩ, chuyên ngành Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Nguyễn Thị Kim Dung (chủ biên), Đinh Quang Báo, Nguyễn Thanh Bình, Dương Thị Thuý Hà, Nguyễn Hoàng Đoàn Huy, Đào Thị Oanh, My Giang Sơn. (2015). *Đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề cho SV trong các trường đại học sư phạm*. NXB Đại học Sư phạm.

Nguyễn Thị Tuyết Hạnh. (2012). *Nghiên cứu chức năng của Hiệu trưởng trường trung học phổ thông Việt Nam thời kỳ đổi mới phục vụ công tác bồi dưỡng hiệu trưởng đáp ứng yêu cầu xã hội*. Luận án tiến sĩ, chuyên ngành Quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục.

Phạm Minh Hạc. (1996). *Một số vấn đề về giáo dục và khoa học giáo dục*. Hà Nội: NXB Giáo dục.

Phạm Thị Minh Hạnh. (2007). *Nghiên cứu hệ thống đánh giá năng lực chuyên môn của giáo viên trung học phổ thông ở Cộng hòa Pháp và hướng vận dụng vào Việt Nam*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quốc hội. (2014). Luật số: 74/2014/QH13, ngày 27 tháng 11 năm 2014, Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Thủ tướng Chính phủ. (2012). Quyết định Số 711/QĐ-TTg, ngày 13 tháng 06 năm 2012, về phê duyệt "Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020".

Villegas-Reimers, E. (2003). *Teacher Professional Development: An International Review of the Literature*. Paris: UNESCO International Institute for Educational Planning.